

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. BÙI ĐỨC HIỂN*

1. Vấn đề phát triển bền vững trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam

Tư tưởng về phát triển bền vững đã có từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Mặc dù vậy, thuật ngữ “phát triển bền vững” mới chính thức xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn thế giới” của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế (IUCN), với ý nghĩa là: “*Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học*”.⁽¹⁾ Năm 1987, Báo cáo Brundtland⁽²⁾ của Ủy ban môi trường và phát triển thế giới (WCED) tiếp tục chỉ rõ: “*Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...*”.⁽³⁾ Đây là quá trình phải bảo đảm có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển đó là: Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Ở Việt Nam, trước khi tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước năm 1986, quan niệm về bảo vệ môi trường, phát triển bền

vững nói chung còn mơ hồ, thậm chí có quan điểm nhìn nhận khí thải, khói thải từ ống khói các nhà máy, xí nghiệp là biểu hiện sinh động cho sự đi lên chủ nghĩa xã hội.⁽⁴⁾ Từ khi tiến hành sự nghiệp đổi mới đến nay, nhiều nhà máy, xí nghiệp được thành lập với quy mô và số lượng lớn đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế và tăng trưởng GDP của đất nước. Tuy nhiên, do nhiều thập kỉ chú trọng phát triển kinh tế theo chiều rộng, phát triển chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, mặt khác lại thiếu quy hoạch nên tài nguyên ngày càng cạn kiệt,⁽⁵⁾ môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở nhiều nơi...⁽⁶⁾ đã ảnh hưởng xấu đến đời sống của con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Thực tiễn này cùng với yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đặt ra nhu cầu về phát triển bền vững.

Trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam (sau đây gọi tắt là Đại hội XI), quan điểm về phát triển bền vững cũng đã được nghiên cứu⁽⁷⁾ và ghi nhận. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã thông qua Chiến lược

* Viện nhà nước và pháp luật
Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

phát triển kinh tế-xã hội 1991 - 2000; Chiến lược nhấn mạnh: *"Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường"*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã nêu bài học: *"Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái"*. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001 - 2010 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX cũng khẳng định: *"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã nêu bài học về phát triển nhanh và bền vững, trong đó ngoài các nội dung phát triển kinh tế, xã hội, môi trường còn bổ sung yêu cầu phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ. Đại hội cũng xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) là: *"Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người"*.

Như vậy, quan điểm phát triển nhanh và bền vững đã sớm được Đảng và Nhà nước ta đặt ra với nội dung ngày càng hoàn thiện và đã trở thành chủ trương nhất quán trong lãnh đạo, xây dựng pháp luật, quản lý, điều hành tiến trình phát triển của đất nước trong những năm qua.⁽⁸⁾ Tuy nhiên, có thể thấy trước Đại hội XI, đa phần các quan điểm của Đảng về phát triển bền vững mới chỉ

được ghi nhận chung chung, chủ yếu tập trung nhấn mạnh các yếu tố cấu thành của phát triển bền vững mà chưa đưa ra được phương thức, biện pháp để phát triển bền vững đất nước.

Do vậy, để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận các yếu tố cấu thành phát triển bền vững cần đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án; thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; khắc phục suy thoái, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường; xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam (sau đây gọi tắt là Văn kiện Đại hội XI) cũng ghi nhận bổ sung nhiều vấn đề mới như:

Một là về mặt lý thuyết đã bổ sung thêm cấu thành của phát triển bền vững không chỉ có bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường mà còn cần phải có cả bền vững về văn hoá đồng thời nhấn mạnh việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể: "Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân... luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu".⁽⁹⁾

Hai là không như văn kiện ở các đại hội đại biểu toàn quốc trước, Đại hội XI đã xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể trong bảo vệ môi trường cũng như cách thức để bảo vệ môi trường: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái”.⁽¹⁰⁾

Ba là không chỉ ghi nhận việc bảo vệ môi trường, Văn kiện Đại hội XI còn nhấn mạnh tới vấn đề phát triển môi trường: “Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch”.⁽¹¹⁾

Bốn là đánh giá cao tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, đặc biệt là dự báo, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.⁽¹²⁾ Văn kiện khẳng định phải “coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia”.⁽¹³⁾

Năm là khẳng định vai trò quan trọng của việc đổi mới cơ chế quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Văn kiện Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: “Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.⁽¹⁴⁾

Sáu là để thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác xã hội hoá các hoạt động bảo vệ môi trường, Văn kiện Đại hội XI nhấn mạnh đến “phát triển các dịch vụ môi trường, xử lý chất thải”.⁽¹⁵⁾

Qua những phân tích ở trên có thể thấy những điểm mới về quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam đối với phát triển bền vững. Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả, cần thể chế hoá đường lối này trong hệ thống pháp luật hiện hành, trong đó có pháp luật môi trường.

2. Thực trạng chính sách, pháp luật môi trường bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Qua nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật bảo vệ môi trường năm 2005 (Luật BVMT) và các văn bản liên quan có thể thấy về cơ bản, các văn bản quy phạm pháp luật này đã thể chế hoá được một số quan điểm về phát triển bền vững trong Văn kiện Đại hội XI và các văn kiện trước đó của Đảng:

Thứ nhất, đã thể chế hoá phát triển bền vững thành nguyên tắc quan trọng⁽¹⁶⁾ trong Luật BVMT.⁽¹⁷⁾

Thứ hai, đã đưa yêu cầu bảo vệ môi trường vào toàn bộ quá trình từ lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, thể hiện qua các quy định về lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC),⁽¹⁸⁾ lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư cụ thể, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cam kết bảo vệ môi trường.⁽¹⁹⁾

Thứ ba, xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường trở thành nguyên tắc của Luật BVMT. Qua việc cụ thể hoá nguyên tắc này, Luật BVMT đã mở ra khả năng cho các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đánh giá tác động môi trường (Điều 21); khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức có năng lực tham gia vào quản lý, xử lý chất thải (Điều 70), vào hoạt động quan trắc môi trường (Điều 95); bảo đảm quyền được biết thông tin về môi trường của mọi tổ chức, cá nhân (Điều 104, Điều 105); đề cao vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội và mọi người dân trong hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 124)...

Thứ tư, Luật BVMT đã quy định tương đối cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong bảo vệ môi trường.⁽²⁰⁾

Thứ năm, khẳng định tính toàn cầu của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường, vì vậy hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng. Vấn đề này đã được thể chế hoá trong Điều 120 Luật BVMT.

Có thể thấy mặc dù quan điểm về phát triển bền vững đã được tiếp thu, ghi nhận trong Luật BVMT và các văn bản liên quan, tuy nhiên tổng kết thực tiễn những năm qua cho thấy: “*Kinh tế phát triển chưa bền vững... Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả...*”⁽²¹⁾ Thực tiễn này do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự bất cập của khung pháp lý về phát triển bền vững nói chung.

Ngoài ra, pháp luật bảo vệ môi trường còn có một số hạn chế sau:

Một là mặc dù Luật BVMT đã coi xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường là nguyên tắc của Luật. Tuy nhiên, quá trình cụ thể hoá nguyên tắc này trong pháp luật bảo vệ môi trường còn thiếu sót, bất cập và chưa cụ thể, nhất là quy định về xã hội hoá các dịch vụ môi trường và xử lý chất thải, dẫn tới thực tiễn sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dịch vụ này gặp nhiều khó khăn.⁽²²⁾

Hai là mặc dù đã có những quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong bảo vệ môi trường, tuy nhiên về lý thuyết, Luật BVMT chưa khẳng định rõ ràng trách nhiệm bảo vệ môi trường thuộc về chủ thể nào, nghĩa vụ bảo vệ môi trường thuộc về ai. Ngoài ra, Luật BVMT cũng chưa xác định rõ mô hình để quản lý tài nguyên và môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn về bảo vệ tài nguyên và môi trường ở nước ta. Điều đó dẫn tới sự chông chéo, ỷ lại, trốn tránh trách nhiệm trong quá trình quản lý, thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trên thực tiễn.

Ba là mặc dù có quy định về khuyến khích phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo nhưng có thể khẳng định Luật BVMT chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề phát triển môi trường, cụ thể là phát triển kinh tế xanh - vấn đề đã được nhắc đến trong Văn kiện Đại hội XI... Đây là thiếu sót lớn, nhất là trong bối cảnh đất nước ta đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Bốn là Luật BVMT đã có các quy định về dự báo, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục và xử lý sự cố môi trường nhưng vẫn đề có tầm quan trọng lâu dài là biến đổi khí hậu thì Luật BVMT lại đề cập. Điều này ảnh hưởng đến quá trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta.

Đề khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên và thực hiện có hiệu quả chính sách về phát triển bền vững cần phải thể chế hoá các quan điểm mới trong Văn kiện Đại hội XI vào các quy định của pháp luật, trong đó có pháp luật về môi trường.

3. Hoàn thiện chính sách, pháp luật môi trường củng cố, đảm bảo phát triển bền vững theo quan điểm Đại hội XI

Thứ nhất, cần có nghiên cứu tổng thể khung chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, tiến hành hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này nhằm xây dựng thống nhất, đồng bộ các quy định trong Luật BVMT với Luật đa dạng sinh học, Luật dầu tư, Luật dầu khí, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai...

Thứ hai, để thực hiện có hiệu quả quan điểm về phát triển bền vững được ghi nhận trong Văn kiện Đại hội XI, chúng tôi cho rằng cần nghiên cứu bổ sung những vấn đề sau trong pháp luật bảo vệ môi trường:

Một là cần quy định cụ thể hơn nữa nguyên tắc xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường trong các chế định của Luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phát triển các dịch vụ môi trường,

đặc biệt là dịch vụ thu gom xử lý chất thải.

Hai là về trách nhiệm bảo vệ môi trường, chúng tôi cho rằng Dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật BVMT cần quy định theo hướng xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong bảo vệ môi trường như tinh thần của Văn kiện Đại hội XI, Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Cụ thể khoản 1 Điều 4 Dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật BVMT nên sửa như sau: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Nhà nước và là nghĩa vụ của mọi tổ chức và cá nhân, đảm bảo quyền được sống và quyền yêu cầu được sống trong môi trường trong lành”.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu đổi mới mô hình quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường theo hướng đề cao trách nhiệm của cơ quan chuyên trách về vấn đề này là Bộ tài nguyên và môi trường. Làm rõ trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ tài nguyên và môi trường với trách nhiệm tham gia quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo phân công, phân cấp của các bộ, ngành, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tránh tình trạng bỏ trống hoặc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan này, dẫn tới việc khi có ô nhiễm môi trường xảy ra thì không có cơ quan nào đứng ra nhận trách nhiệm.

Ba là để phát triển bền vững, kinh tế xanh đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Từ khi đổi mới đến nay, chúng ta chủ yếu đẩy mạnh phát triển kinh tế theo chiều rộng, phát triển dựa trên nhân công giá rẻ, khai

thác tài nguyên để tăng trưởng GDP mà chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề môi trường. Vì vậy hiện nay, nước ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn về cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường. Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã đưa ra ý tưởng phát triển “kinh tế xanh” để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững: “*Đó là nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái*”.⁽²³⁾ Cụ thể hơn, kinh tế xanh là phát triển dựa trên các cỗ máy xanh, phát triển kinh tế không những không ảnh hưởng đến môi trường mà còn góp phần phát triển môi trường, nâng cao đời sống người dân, đảm bảo công bằng xã hội... Trong nội hàm phát triển kinh tế xanh cũng đã bao hàm vấn đề phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch... Trên thế giới, kinh tế xanh cũng đã được nhiều quốc gia ứng dụng như: Brazil, Nhật Bản, Ecuador, Nepal... và mang lại nhiều lợi ích về kinh tế-xã hội cũng như môi trường bền vững.⁽²⁴⁾ Ở Việt Nam, Văn kiện Đại hội XI cũng đã khẳng định đẩy mạnh phát triển kinh tế theo chiều sâu, “*chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường*”.⁽²⁵⁾ Do vậy, chúng tôi cho rằng cần ghi nhận phát triển kinh tế xanh vào Hiến pháp để đảm bảo tính bao quát và tính chiến lược của vấn đề này đồng thời sự quan tâm của Nhà nước đối với phát triển kinh tế xanh không nên chỉ dừng lại ở

việc khuyến khích mà cần phải tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân được phát triển kinh tế xanh. Cụ thể, nên quy định tại khoản 2 Điều 68 Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 như sau: “2. Mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh của tổ chức, cá nhân được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện”. Sau đó, cần cụ thể hoá vấn đề này trong Luật BVMT.

Bốn là về ứng phó với biến đổi khí hậu đã được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XI, cần thể chế hoá vấn đề này trong các quy định của pháp luật. Hiện nay, vấn đề chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đã được ghi nhận tại khoản 2 Điều 68 Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và cụ thể hoá tại mục 7 Chương II Luật BVMT. Chúng tôi cho rằng chống biến đổi khí hậu là vấn đề rộng lớn có tác động và ảnh hưởng lâu dài đến phát triển bền vững của thế giới cũng như Việt Nam. Do vậy, về lâu dài cần nghiên cứu ban hành Luật về chống biến đổi khí hậu... nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và đồng bộ cho phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng./.

(1). Xem: Thuật ngữ phát triển bền vững, Từ điển bách khoa toàn thư mở Wikipedia, nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng; Nguyễn Thanh Nghị, “*Tinh bền vững - Những thách thức đối với Việt Nam*”, tham luận tại Hội thảo quốc tế “Thiết kế và kiến trúc bền vững”, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012, tr. 1.

(2). Hay còn gọi là Báo cáo Our Common Future.

(3). Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng

%BB%AFng

(4). Có nhiều tác phẩm thơ, văn ca ngợi về sự phát triển của các nhà máy xí nghiệp với các ống khói chọc trời trong thời kì bao cấp là biểu hiện sinh động cho sự phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội.

(5).Xem: Phạm Phan Long, *Hiểm họa cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi sinh của đất nước*, nguồn: <http://www.vietecology.org/Article.aspx/Article/6>

(6).Xem: Hương Thảo, *Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam*, nguồn: <http://www.thuviensinhhoc.com/chuyen-de-sinh-hoc/sinh-thai-hoc/2327-o-nhiem-moi-truong-o-viet-nam.html>

(7).Xem: Trung tâm tài nguyên và môi trường, Đại học tổng hợp Hà Nội, *Tiến tới môi trường bền vững*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1995; Viện môi trường và phát triển bền vững (chủ trì), "Nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững cấp quốc gia của Việt Nam", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2002 - 2003; Phạm Xuân Nam, *Đổi mới chính sách xã hội - Luận cứ và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

(8).Xem: Nguyễn Tấn Dũng, *Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước ta*, nguồn: <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Phat-trien-nhanh-va-ben-vung-la-quan-diem-xuyen-suot-trong-chien-luoc-phat-trien-KTXH-cua-dat-nuoc-ta/20107/33615.vgp>

(9).Xem: Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2011 - 2020 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(10).Xem: Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

(11).Xem: Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011 - 2015; Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2011 - 2020 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(12). Đây cũng là một trong sáu vấn đề lớn được đưa vào Chương trình nghị sự của Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 7 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(13).Xem: Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

(14).Xem: Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá

độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011 - 2015; Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2011 - 2020 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(15).Xem: Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011 - 2015; Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2011 - 2020 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(16).Xem: PGS.TS. Phạm Hữu Nghị, *Nguyên tắc báo đảm sự phát triển bền vững*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Viện nhà nước và pháp luật, 2008.

(17).Xem: Điều 4 Luật BVMT.

(18).Xem: Mục I Chương III Luật BVMT.

(19).Xem: Các mục 2, 3 Chương III Luật BVMT.

(20). Luật BVMT đánh Chương XIII quy định trách nhiệm của cơ quan quản lí nhà nước về bảo vệ môi trường. Tại Chương này đã có các quy định xác định trách nhiệm quản lí nhà nước về bảo vệ môi trường của Chính phủ, của Bộ tài nguyên và môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan, cũng như uỷ ban nhân dân các cấp (Điều 122).

(21).Xem: Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội năm 2011 - 2020 của Đảng cộng sản Việt Nam.

(22). Ví dụ: Luật BVMT có quy định về hoạt động của tổ chức dịch vụ thẩm định trong thẩm định báo cáo ĐTM, tuy nhiên do quy định còn nhiều thiếu sót, đặc biệt là thiếu cơ chế khuyến khích tạo điều kiện cho các tổ chức này ra đời và phát triển nên đến hiện nay vẫn chưa có báo cáo ĐTM nào được thẩm định qua các tổ chức này. Bên cạnh đó, hoạt động của các hợp tác xã trong tham gia thu gom xử lí rác thải cũng gặp nhiều khó khăn, do thiếu sót từ các quy định pháp luật.

(23).Xem thêm: TS. Trần Thanh Lâm, "Kinh tế xanh hướng tới phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo", *Tạp chí cộng sản*, ngày 13/5/2013. Nguồn: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=21450&print=true>.

(24).Xem: Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Bộ tài nguyên và môi trường, *Kinh tế xanh: Có vai trò của bạn?*, Hà Nội, 2012.

(25).Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 222.